

Số: 14/2024/QĐST-DS

Thành phố Bến Tre, ngày 21 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 14/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Đ.**

Trụ sở chính: Tháp B1, số A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Minh T1 – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đ1.

Địa chỉ: số E, Đại Lộ Đ, phường A, TP B, tỉnh Bến Tre.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Thanh T2 – Chức vụ: Phó trưởng phòng Khách hàng 2- Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đ1.

- Bị đơn: **Công ty TNHH T4.**

Địa chỉ: Số D, tổ F, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Lâm Quốc B, Chức vụ: Giám đốc Công ty.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Lâm Quốc B, sinh năm 1976 và Bà Mai Thảo T3, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ thường trú: Số E, Khu phố T, Thị Trấn T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ông **Đặng Lâm Quốc B** là người đại diện theo ủy quyền của bà **Mai Thảo T3** theo Hợp đồng ủy quyền ngày 13/8/2024.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. **Công ty TNHH T4** chịu trách nhiệm trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ** tổng số tiền tạm tính đến ngày 13/8/2024 là: 14.583.640.398 đồng (Bằng chữ: Mười bốn tỷ năm trăm tám mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi ngàn ba trăm chín mươi tám đồng). Trong đó:

+ Nợ gốc: 13.472.955.449 đồng (Mười ba tỷ bốn trăm bảy mươi hai triệu chín trăm năm mươi lăm ngàn bốn trăm bốn mươi chín đồng).

+ Nợ lãi trong hạn: 769.339.488 đồng (Bảy trăm sáu mươi chín triệu ba trăm ba mươi chín ngàn bốn trăm tám mươi tám đồng).

+ Nợ lãi phạt quá hạn: 341.345.461 đồng (Ba trăm bốn mươi một triệu ba trăm bốn mươi lăm ngàn bốn trăm sáu mươi một đồng).

Số tiền trên sẽ được tiếp tục tính lãi từ ngày 14/8/2024 theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2023/19671723/HĐTD ngày 11/4/2023 cho đến khi **Công ty TNHH T4** trả tất nợ cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ**.

2.2. Trường hợp **Công ty TNHH T4** không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên thì **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ** có quyền xử lý hoặc đề nghị xử lý các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 01/2023/7465596/HĐBĐ ngày 19/04/2023 để thu hồi nợ, các tài sản gồm:

+ Quyền sử dụng đất, và tài sản gắn liền với đất diện tích: 950,6m<sup>2</sup> đất CLN, thửa đất số: 110, tờ bản đồ số: 19 theo Giấy CN QSD đất và tài sản gắn liền với đất số CU545718 do **Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B** cấp ngày 03/03/2020 cấp cho ông **Đặng Lâm Quốc B**.

+ Quyền sử dụng đất, và tài sản gắn liền với đất diện tích: 542,3m<sup>2</sup> đất CLN, thửa đất số: 35, tờ bản đồ số: 19 theo Giấy CN QSD đất và tài sản gắn liền với đất số CT637879 do **Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B** cấp ngày 09/12/2019 cấp ông **Đặng Lâm Quốc B – Mai Thảo T3**.

+ Quyền sử dụng đất, và tài sản gắn liền với đất diện tích: 1949,2m<sup>2</sup> đất CLN, thửa đất số: 51, tờ bản đồ số: 19 theo Giấy CN QSD đất và tài sản gắn liền với đất số CU545716 do **Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B** cấp ngày 03/03/2020 cấp cho ông **Đặng Lâm Quốc B**.

+ Quyền sử dụng đất, và tài sản gắn liền với đất diện tích: 1022,5m<sup>2</sup> đất CLN, thửa đất số: 52, tờ bản đồ số: 19 theo Giấy CN QSD đất và tài sản gắn liền với đất số CT637880 do **Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B** cấp ngày 09/12/2019 cấp cho ông **Đặng Lâm Quốc B – Mai Thảo T3**.

2.3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (đã được giảm 50%) là 61.292.000 (Sáu mươi một triệu hai trăm chín mươi hai ngàn) đồng, bị đơn **Công ty TNHH T4** tự nguyện chịu.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre phải hoàn lại cho **Ngân hàng TMCP Đ** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 61.757.000 (Sáu mươi một triệu bảy trăm

năm mươi bảy nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002574 ngày 05 tháng 6 năm 2024.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TPBT;
- Tòa án tỉnh BT;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPBT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

*(đã ký)*

**Phạm Thị Xuân Thi**